

Bản án số: 68/2020/DS-ST

Ngày: 28/12/2020

**V/v: “Tranh chấp dân sự về
Hợp đồng vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Hòa, bà Lưu Thị Thôi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2020/TLST-DS ngày 03/6/2020, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 469/2020/QĐXXST-DS ngày 11/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2020/QĐST-DS ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố 7, phường Hưng Long, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T – sinh năm 1988. (vắng mặt)

HKTT: khu phố 3, phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

Nơi ở: khu phố 6, phường Phú Tài, Phan Thiết, Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2020 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Do ông Trần Minh T là người đi biển cho gia đình bà Hồ Thị Ngọc M, ông T có hoàn cảnh khó khăn, nên bà M có cho ông T mượn tiền nhiều lần, đến tháng 12/2017 thì tổng số tiền là 36.000.000đ, hai bên thỏa thuận nếu ông T không đi biển thuyền nhà bà M nữa thì phải trả lại tiền đã mượn. Đến năm 2019, ông T không đi biển cho bà M nữa nhưng không trả lại tiền cho bà M theo thỏa thuận. Bà

M đã khởi kiện ra Tòa án vào tháng 6 năm 2019 để đòi ông T số tiền 36.000.000đ. Sau khi bà M kiện thì ông T có trả được 4.000.000đ, đồng thời ông Minh viết giấy cam kết sẽ trả cho bà M mỗi tháng 1.000.000đ, bắt đầu vào ngày 15/02/2020, nhưng sau đó ông T không thực hiện trả theo giấy cam kết.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T trả số tiền 32.000.000đ lại cho bà M.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục triệu tập ông Trần Minh T đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và dự phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 32.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và việc tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn Trần Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 3, phường Hưng Long, tp Phan Thiết và có nơi ở tại khu phố 6, phường Phú Tài, tp Phan Thiết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp Phan Thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án không có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều không có yêu cầu đưa người liên quan khác vào tham gia tố tụng.

Bị đơn Trần Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng

mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ giấy vay tiền lập ngày 20/12/2017, thể hiện nội dung là do bị đơn đi biển cho thuyền của bên nguyên đơn, nên nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 36.000.000đ, khi nào bên bị đơn không đi biển cho thuyền của nguyên đơn nữa thì phải trả lại tiền cho nguyên đơn. Đến năm 2019, bị đơn không đi biển cho nguyên đơn nữa và cũng không trả tiền cho nguyên đơn. Bà M đã khởi kiện ra Tòa án vào tháng 6 năm 2019 để đòi ông T số tiền 36.000.000đ. Sau khi bà M kiện thì ông T có trả được 4.000.000đ, đồng thời ông T viết giấy cam kết sẽ trả cho bà M mỗi tháng 1.000.000đ, bắt đầu vào ngày 15/02/2020, nhưng sau đó ông T không thực hiện trả theo giấy cam kết. HĐXX nhận thấy ông T đã không thực hiện đúng với thỏa thuận khi vay tiền vào tháng 12/2017 và cam kết trả dần số tiền từ ngày 15/02/2020. Theo giấy vay tiền lập ngày 20/12/2017, thì ông T có nghĩa vụ trả lại số tiền vay khi không còn đi biển cho bà M nữa. Nên khởi kiện của bà M về việc yêu cầu ông T phải trả số tiền 32.000.000đ là có căn cứ.

Bị đơn Trần Minh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đưa ra chứng cứ về việc vay mượn, bị đơn không có ý kiến phản đối theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy bị đơn phải chịu hậu quả về việc không có ý kiến phản đối, không đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Minh T phải trả cho bà Hồ Thị Ngọc M số tiền là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành trên thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015. (Trường hợp các bên thỏa thuận được lãi chậm trả thì mức thỏa thuận không quá 20%/1 năm, trường hợp các bên không thỏa thuận thì xác định lãi chậm trả là 10%/1 năm).

2. Ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.600.000đ (một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho bà Hồ Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000đ, theo biên lai thu tiền số 0007571 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- VKSND tp Phan Thiết.
- Chi cục THADS tp Phan Thiết
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM THÁI BÌNH